

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội



FLC GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

Tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Năm báo cáo: 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC là Công ty TNHH Đầu tư Trường phú Fortune được thành lập năm 2008. Công ty TNHH Đầu tư Trường phú Fortune được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0102033961 cấp 17/03/2008 với số vốn ban đầu là 18.000.000.000 đồng.

Công ty TNHH Đầu tư Trường phú Fortune được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 09/12/2009 mang tên Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp CRV và đổi tên thành Công ty Cổ phần FLC vào ngày 20/01/2010.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 57/NQ/ĐHĐCĐ-2010 ngày 22 tháng 11 năm 2010, Công ty cổ phần FLC được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC. Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC là sự kết hợp hiệu quả của các đối tác mạnh, đầy tiềm năng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản và tài chính, ngân hàng. Các đơn vị thành viên của Tập đoàn hiện có 11 đơn vị là: Cty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC, Cty Cổ phần Chứng khoán FLC, Cty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ FLC, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác khoáng sản FLC, Cty Luật SMiC, Cty Cổ phần Đại lý Thuế FLC, Cty Cổ phần FLC Golfnet, Cty TNHH Hải Châu tỉnh Vĩnh Phúc, Cty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA, Cty Cổ phần Trang trại và Nông sản Quý Giáp, Sàn giao dịch Bất động sản FLC...

Với hoạt động ban đầu là sàn giao dịch bất động sản, tư vấn đầu tư, và tư vấn tài chính doanh nghiệp, FLC đang bắt đầu triển khai hoạt động đầu tư vào bất động sản. Đầu năm 2010, sàn giao dịch bất động sản FLC ra đời, khẳng định quyết tâm của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Định hướng chiến lược phát triển của FLC là trở thành một công ty mạnh và năng động, lấy hoạt động sàn bất động sản, tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp, đầu tư và kinh doanh bất động sản làm trọng điểm. Hiện tại Công ty đang sở hữu một số dự án bất động sản lớn có tiềm năng phát triển và nằm ở vị trí đắc địa tại Hà Nội và một số thành phố lân cận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

2. Thông tin về Công ty:

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FLC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: FLC Group

Trụ sở chính: Tầng 5 - Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3771 1111

Fax: (84-4) 3724 5888

Email: info@flc.vn

Website: www.flc.vn

Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ đồng*)

3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Giá trị phát hành (đồng)	Ghi chú
1	09/12/2009	18.000.000.000		Thành lập Công ty
2	14/01/2010	25.000.000.000	7.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
3	08/02/2010	100.000.000.000	75.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cho cổ đông hiện hữu
4	05/10/2011	170.000.000.000	70.000.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cho cổ đông hiện hữu

4. Ngành, nghề kinh doanh:

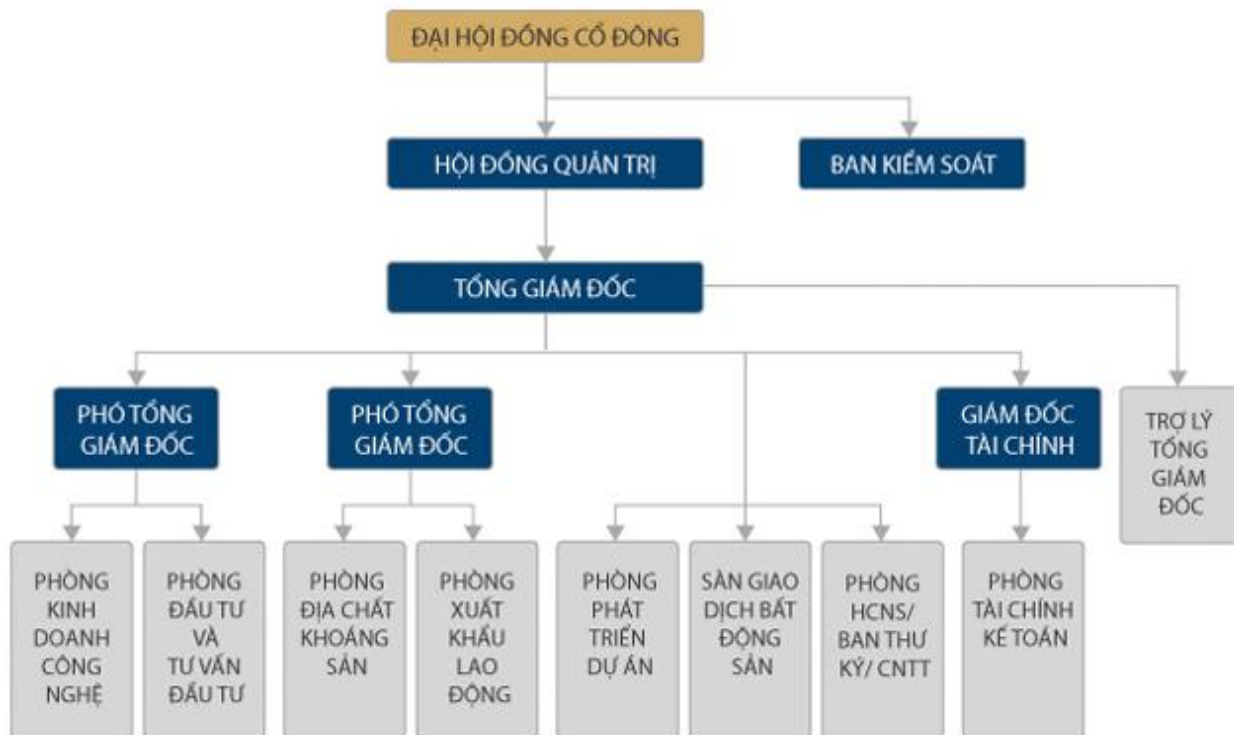
Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác nhau liên quan đến máy vi tính; Sửa chữa thiết bị liên lạc; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động sản xuất bản phẩm); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa

hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Buôn bán máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác vùng trong mạch điện); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khóa, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ. Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự. Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; Hoạt động viễn thông dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính); Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không đo ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); (Chỉ hoạt động sau khi có được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh ...

5. Một số dự án đang trong quá trình triển khai và khai thác

- Khu liên hiệp thể thao và giải trí FLC Golfnet (Được khai trương và đi vào sử dụng có hiệu quả từ 30/11/2010)
- Chung cư cao cấp và văn phòng cho thuê FLC Landmark Tower (Đã khánh thành ngày 31/01/2012 và bàn giao căn hộ đầu tiên ngày 10/02/2012)
- Tòa nhà hỗn hợp FLC Tower (Vĩnh Phúc)
- Khu biệt thự nhà vườn Green City (Vĩnh Phúc)
- Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê Complex (Hà Nội)
- Sân golf, resort, khách sạn 5 sao, khu vui chơi giải trí cao cấp Hồ Cẩm Quý (Ba Vì)

6. Sơ đồ tổ chức



II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011

Năm 2011 là một năm không mấy thuận lợi cho ngành kinh doanh Bất động sản. Thị trường tiếp tục kéo dài sự trầm lắng do kinh tế phục hồi chậm, lạm phát và lãi suất cao khiến cho việc tiếp cận tín dụng khách hàng và chủ đầu tư trong kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa Bất động sản gặp nhiều khó khăn và rủi ro. Nhiều chính sách mới ra đời đã tạo nên sự thận trọng trong kinh doanh, khiến cho thị trường rơi vào tình trạng trì trệ.

Năm 2011 cũng là một năm diễn ra sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường tài chính và bất động sản. Nhiều sản phẩm sụt giá mạnh, khó bán hàng và trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng cao đã tạo gánh nặng rất lớn cho Công ty kinh doanh Bất động sản.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và đặc biệt là khó khăn với ngành kinh doanh Bất động sản, với sự nỗ lực và cố gắng của Ban lãnh đạo cùng toàn thể Cán bộ nhân viên, Công ty Cổ phần tập đoàn FLC đã đạt mức doanh thu gần 136,2 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng gần 423% so với năm 2010. Mặc dù lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 12,6 tỷ đồng, tăng trưởng gần 191% so với năm 2010 nhưng chưa đạt được kế hoạch. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là trong năm qua, Công ty đã tạo được các bước chuẩn bị rất tốt cho một giai đoạn phát triển mới, làm chủ đầu tư, phát triển dự án bất động sản tại Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Tất cả các kết quả thực hiện đều đã đi đúng hướng phát triển chiến lược trung hạn và dài hạn của Công ty trong những năm tới mà đã được HĐQT đề ra và báo cáo cho Đại hội cổ đông.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

2.1. Tình hình tài chính và lợi nhuận

Biết khai thác những thuận lợi và cố gắng phấn đấu khắc phục khó khăn, năm 2011 quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng, uy tín của Công ty đối với các đối tác được nâng cao và đạt được những kết quả tài chính chủ yếu sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	VND	32.217.129.500	136.201.198.700
Lợi nhuận sau thuế	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
Tỷ suất doanh thu thuần năm 2011/ năm 2010	%	423	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2011/ năm 2010	%	191	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Lợi nhuận sau thuế đạt 12,6 tỷ đồng, tăng trưởng gần 191% so với năm 2010 và đạt 91% kế hoạch dự kiến. Kết quả kinh doanh của năm 2011 tuy chưa thực sự ấn tượng nhưng cũng đáng khích lệ, phản ánh những nỗ lực của toàn Công ty trong bối cảnh nền kinh tế và các doanh nghiệp đang trải qua thời kỳ khó khăn hiện nay.

2.2. Thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước

Trong năm 2011, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã nộp vào Ngân sách Nhà nước gần 5,6 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ. Lợi nhuận còn lại sẽ được sử dụng tái đầu tư và sản xuất kinh doanh cho năm 2012.

2.3. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2011

Căn cứ vào kết quả kinh doanh của năm 2011 và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (ngày 15/02/2012), Hội đồng quản trị đã quyết định tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011 là 7% vốn điều lệ, hình thức chi trả bằng tiền mặt. Việc chi trả cổ tức sẽ được hoàn tất vào tháng 04/2012.

2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2011 của HĐQT

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Cụ thể trong năm 2011 vừa qua, Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết quan trọng, đánh dấu các bước phát triển mạnh mẽ cho Công ty.

- Đưa ra định hướng chiến lược về đầu tư, kinh doanh của toàn Tập đoàn và của các đơn vị thành viên nhằm khai thác tốt các cơ hội phát triển và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của khủng hoảng;
- Đưa ra những quyết sách kịp thời, đúng đắn đối với các dự án đầu tư, các kế hoạch kinh doanh cụ thể của Tập đoàn, đảm bảo hoạt động đầu tư, kinh doanh luôn đúng hướng và hiệu quả;
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển Công ty theo mô hình Tập đoàn đa ngành, đa lĩnh vực, lấy đầu tư kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính làm trọng tâm;
- Đưa ra các quyết định về việc tham gia góp vốn đầu tư và thành lập các công ty thành viên mới để thực hiện các dự án đầu tư hay đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp khác và một số hình thức đầu tư ngắn hạn khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận và tăng nguồn thu cho Công ty;

Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và triển khai theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Bộ phận pháp chế cũng được tăng cường nhằm phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho sự phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí cũng như các rủi ro tác nghiệp.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2011

Trong năm 2011, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã triển khai thực thi các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2011:

- Mặc dù nền kinh tế thế giới suy thoái, tình hình kinh tế trong nước chưa ổn định, thị trường chứng khoán biến động, tính thanh khoản của thị trường vẫn chưa cao nên Công ty đã quyết định dời thời cơ thuận lợi sẽ niêm yết Cổ phiếu. Vì vậy ngày 05/10/2011, 17 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC với mã chứng khoán FLC đã chính thức được niêm yết trên sàn HNX (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội). Đơn vị kiểm toán hồ sơ niêm yết là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, và đơn vị tư vấn niêm yết là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

- Một số dự án lớn như toà nhà FLC Landmark Tower đạt kế hoạch bàn giao căn hộ chung cư cao cấp cho những khách hàng đầu tiên vào ngày 10/02/2012, sớm hơn so với tiến độ 4 tháng, trong khi vẫn đảm bảo về chất lượng công trình cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông đồng bộ. Công ty dự kiến hoàn tất việc bàn giao vào tháng 04/2012.

- Thông qua phương án chi tiết sáp nhập Công ty Cổ phần FLC Land vào Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC. Việc sáp nhập được thực hiện theo phương thức hoán đổi cổ phần. Theo đó, FLC Group sẽ phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông của FLC Land để hoán đổi lấy 100% tổng số cổ phần FLC Land trên cơ sở tỉ lệ hoán đổi dưới đây:

+ Tỷ lệ hoán đổi 1 cổ phần FLC Land = 1,18 cổ phần FLC Group.

+ FLC Group sẽ phát hành $1,18 \times 51.000.000$ cổ phần = 60.180.000 cổ phần để hoán đổi 51.000.000 cổ phần của FLC Land.

Sau khi sáp nhập, FLC Land sẽ được chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên do FLC Group sở hữu 100% vốn điều lệ. Đồng thời, sau khi sáp nhập, mức Vốn điều lệ mới của FLC Group sẽ tăng lên 771.800.000.000 tỷ đồng; tổng số cổ phần của FLC Group khi hoàn thành sáp nhập là 77.180.000 cổ phần.

- Triển khai kế hoạch đầu tư Dự án xây dựng khu sân Golf – Resort và vui chơi giải trí tại hồ Cẩm Quỳnh, Ba Vì thông qua Công ty con là Công ty cổ phần Công ty Cổ phần FLC Golf and Resort: Dự án khu vui chơi giải trí Hồ Cẩm Quỳnh có quy mô 248,7 ha bao gồm tổ hợp vui chơi giải trí và sân golf, các khu resort spa và tắm khoáng tầm cỡ khu vực và thế giới. Kết hợp với các khu nghỉ dưỡng cao cấp là 241 căn biệt thự cao cấp và đặc biệt cao cấp với các dịch vụ cao nhất. Dự án trên được thực hiện qua 2 giai đoạn, dự kiến hoàn thành năm 2015.

- Thời gian đầu tư dự kiến:

- Giai đoạn I: (Năm 2011 - 2013)
- Giai đoạn II: (Năm 2014 - 2015)
- Tổng mức đầu tư cố định dự kiến: 3.394 tỷ đồng
- Trong đó
- Vốn do chủ sở hữu tham gia dự kiến: 1.120 tỷ đồng
- Vốn vay ngân hàng dự kiến: 2.274 tỷ đồng
- Nhu cầu vốn đầu tư cố định dự kiến giai đoạn 1: 1.686 tỷ đồng
- Nhu cầu vốn đầu tư cố định dự kiến giai đoạn 2: 1.708 tỷ đồng

4. Định hướng trọng tâm năm 2012, triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong năm 2012, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đề ra những chủ trương, định hướng lớn cho sự phát triển của Tập đoàn, đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai một cách quyết liệt, sát sao, đúng tiến độ đề ra của các dự án đã được phê duyệt, song song tìm hiểu thị trường và tìm hiểu cơ hội đầu tư vào các dự án mới, lĩnh vực mới. Cụ thể trong thời gian tới, năm 2012, Công ty sẽ tiếp tục triển khai và tập trung vào một số nhiệm vụ chính:

+ Tận dụng lợi thế và kinh nghiệm vốn có để đầu tư có trọng điểm vào dự án như: Dự án Khách sạn 5 sao, sân golf, khu vui chơi giải trí Hồ Cẩm Quỳnh tại Ba Vì, dự án Green City 134 ha tại Vĩnh Phúc...

+ Nâng cao hiệu quả và năng lực hoạt động của Sàn giao dịch Bất động sản FLC nhằm khép kín mô hình đầu tư – kinh doanh – quản lý bất động sản, đáp ứng nhu cầu minh bạch hóa các giao dịch bất động sản, đặc biệt là tại các dự án của FLC và các công ty thành viên, tránh tình trạng đầu cơ, lũng đoạn, ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng.

+ Xây dựng và triển khai các kế hoạch huy động vốn khác nhau nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng dự án

+ Chuyên nghiệp hóa các hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua việc chú trọng đến chất lượng, sử dụng các đơn vị quản lý và tư vấn quốc tế, các nhà thầu uy tín trong và ngoài nước, ứng dụng các công nghệ tin học tiên tiến vào hoạt động quản trị và không ngừng xây dựng, nâng cấp đội ngũ nhân sự để đáp ứng nhu cầu quản lý của Công ty.

+ Cùng cố bộ máy nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Thành lập các hội đồng cố vấn cao cấp gồm các chuyên gia kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực: đầu tư, tài chính, pháp lý v.v... và không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp.

+ Tích cực mở rộng hợp tác với các công ty có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên môn để học hỏi và nâng cao hiệu quả của dự án đầu tư.

Năm 2012, Hội đồng quản trị cũng sẽ tăng cường công tác giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban giám đốc và hoạt động đầu tư kinh doanh của cả tập đoàn, nhằm chỉ đạo, định hướng và chấn chỉnh kịp thời những vấn đề phát sinh, đồng thời quản trị tốt rủi ro trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều biến động phức tạp.

Hội đồng quản trị cũng sẽ chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2012 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2012

5.1. Kế hoạch kinh doanh năm 2012

Hội đồng quản trị nhất trí với các nội dung về định hướng chiến lược kinh doanh năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
Doanh thu thuần	1.470.659.600.000
Lợi nhuận trước thuế	308.916.100.000
Lợi nhuận sau thuế	231.687.075.000
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	15%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua ngày 15/02/2012

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012

Hội đồng quản trị thông qua ĐHĐCĐ thống nhất việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 với các tỷ lệ trích lập quỹ và dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức như sau:

STT	Nội dung	Tỷ lệ trích lập năm 2012 %
1	Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

3	Quỹ khen thưởng	5% lợi nhuận sau thuế
4	Quỹ phúc lợi	3% lợi nhuận sau thuế
5	Quỹ đầu tư phát triển nghề nghiệp (quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm)	2% lợi nhuận sau thuế
6	Quỹ đầu tư phát triển	28% lợi nhuận sau thuế
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2% lợi nhuận sau thuế
8	Trả cổ tức	15% vốn điều lệ

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua ngày 15/02/2012

6. Kết luận

Năm 2011 đã trôi qua với nhiều kết quả thực hiện được cũng như còn một số vấn đề còn tồn tại chưa giải quyết được. Theo kế hoạch trong năm 2012, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh công tác phát triển dự án mới, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại, đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai các dự án đang thực hiện của các công ty con. Công ty tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, đặc biệt là các dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2011, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm còn nhiều khó khăn do hậu quả cuộc khủng hoảng, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể Cán bộ công nhân viên, trong năm qua, hoạt động kinh doanh của FLC đã được những thành tựu đáng kể, cụ thể:

1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2011

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn	VND	59.056.572.286	223.705.180.016
	Tài sản ngắn hạn	VND	176.777.992.400	227.524.152.230

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

1	Tổng số tài sản	VND	235.834.564.686	451.229.332.246
	Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	25	49,6
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	75	50,4
Cơ cấu nguồn vốn				
2	Nợ phải trả	VND	15.391.061.860	225.939.971.481
	Nguồn vốn chủ sở hữu	VND	219.520.996.753	221.375.356.103
	Tổng nguồn vốn	VND	235.834.564.686	451.229.332.246
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	6,5	50,1
	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	93,1	49,1
Khả năng sinh lời				
3	Lợi nhuận sau thuế	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
	Doanh thu thuần	VND	32.217.129.500	136.201.198.700
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	2,8	2,8
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	20,4	9,2
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,0	5,7
	Khả năng thanh toán			
4	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3	1
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	3	1

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

- Vốn góp của cổ đông: Vốn góp của cổ đông tại thời điểm hiện tại là: 17.000.000 cổ phiếu, tương ứng 170.000.000.000 đồng, trong đó pháp nhân nắm giữ 62.800.000.000 (chiếm 37%) và thể nhân nắm giữ 107.200.000.000 (chiếm 63%)
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011: 221.375.356.103 đồng (tương đương: 13.022 đồng/cổ phần)
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 17.000.000 cổ phiếu, trong đó toàn bộ là cổ phiếu phổ thông

2. Những chỉ số cơ bản:**2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Tổng tài sản	VND	235.834.564.686	451.229.332.246
Vốn chủ sở hữu	VND	219.520.996.753	221.375.356.103
Tỷ suất Tổng tài sản năm 2011/ năm 2010	Lần	1,9	
Tỷ suất Vốn chủ sở hữu năm 2011/ năm 2010	Lần	1,0	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

So sánh giá trị tài sản Công ty năm 2011 và năm 2010 sẽ thấy mức tăng là 1,9 lần, và tổng nguồn vốn của năm 2011 cũng tăng. Điều này chứng tỏ quy mô hoạt động của Công ty ngày càng mở rộng, đáp ứng đúng được tiến độ của các hợp đồng và các công trình đang thi công.

2.2. Doanh thu và lợi nhuận:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	VND	32.217.129.500	136.201.198.700
Lợi nhuận sau thuế	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
Tỷ suất Doanh thu thuần năm 2011/ năm 2010	Lần	4,2	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế năm 2011/ năm 2010	Lần	1,9	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Doanh thu và lợi nhuận năm 2011 so với năm 2010 có bước nhảy vọt, doanh thu tăng gấp 4,2 lần và lợi nhuận sau thuế tăng gần gấp 2 lần, đánh dấu một sự cố gắng của Ban lãnh đạo cùng tập thể Cán bộ công nhân viên công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.

2.3. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính:**2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
----------	-------------	----------	----------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Nợ phải trả	VND	15.391.061.860	225.939.971.481
Tổng tài sản	VND	235.834.564.686	451.229.332.246
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	6,5	50,1
Tỷ suất Hệ số nợ/ Tổng tài sản năm 2011/ năm 2010	Lần	7,7	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Bắt đầu từ năm 2010, Công ty bắt đầu thực hiện việc mở rộng quy mô hoạt động, thể hiện qua việc 3 lần phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 25 tỷ, từ 25 tỷ lên 100 tỷ và từ 100 tỷ lên 170 tỷ. Đặc biệt, ngày 15/02/2012, ĐHCĐ thường niên của FLC đã thống nhất phương án sáp nhập FLC Land vào FLC Group, để tăng vốn điều lệ của FLC Group lên tới 771,8 tỷ đồng, phương án này sẽ sớm được hoàn thiện trong thời gian tới. Ngoài ra, trong năm 2011, do Công ty cần mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã cơ cấu lại nguồn vốn và tăng hệ số nợ từ 6,5% trong năm 2010 lên 50,1 % trong năm 2011.

2.3.2. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Nợ phải trả	VND	15.391.061.860	225.939.971.481
Vốn chủ sở hữu	VND	219.520.996.753	221.375.356.103
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	7,0	102,1
Tỷ suất Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu năm 2011/ năm 2010	Lần	14,5	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của công ty năm 2011 tăng cao so với năm 2010, gấp 14,5 lần. Do mục tiêu đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nên doanh nghiệp phụ thuộc hơn vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ trong năm 2011. Tuy nhiên, hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được đảm bảo bằng một tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn cụ thể, đảm bảo việc sử dụng các khoản vốn vay một cách hiệu quả nhất.

2.4. Hệ số thanh toán:**2.4.1. Hệ số thanh toán ngắn hạn:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	VND	176.777.992.400	227.524.152.230

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Nợ ngắn hạn	VND	15.391.061.860	224.102.765.706
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	11	1

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty năm 2011 là 1 lần. Tỷ lệ này là tỷ lệ an toàn, điều này cho thấy công ty cố gắng sử dụng tối đa và hiệu quả vốn lưu động nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản tín dụng ngắn hạn của doanh nghiệp.

2.4.2. Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Tiền và khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	VND	176.425.523.472	225.477.034.660
Nợ ngắn hạn	VND	15.391.061.860	224.102.765.706
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	11,5	1

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2011 cũng là 1 lần. Điều này phản ánh rằng Công ty không gặp khó khăn nếu cần phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

2.5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**2.5.1. Hệ số lợi nhuận ròng:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Lợi nhuận ròng	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
Tổng doanh thu	VND	57.646.612.535	136.201.198.700
Hệ số LN ròng/ Doanh thu từ hoạt động SXKD	%	11,5	9,2

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

Hệ số lợi nhuận ròng của Công ty năm 2011 là 9,2%. Điều này chứng tỏ công ty sử dụng hiệu quả các nguồn lực, giảm tối đa chi phí giá thành.

2.5.2. Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA):

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
Tổng tài sản	VND	235.834.564.686	451.229.332.246

Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	%	2,8	2,8
------------------------------------	---	-----	-----

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

ROA của năm 2011 có giảm không nhiều lắm so với năm 2010 và vẫn ở mức độ cho phép. Tuy tình hình chi phí giá vốn liên tục thay đổi theo hướng năm sau cao hơn năm trước nhưng công ty vẫn duy trì việc sử dụng hiệu quả nguồn tài sản hiện có của doanh nghiệp.

2.5.3. Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE):

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
Vốn chủ sở hữu	VND	219.520.996.753	221.375.356.103
Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,0	5,7

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

ROE của năm 2011 cao hơn gần gấp đôi so với năm 2010, chứng tỏ Công ty đang cố gắng sử dụng nguồn vốn có hiệu quả hơn.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức đã được tinh giảm rất gọn nhẹ, mọi cán bộ và nhân viên đều có ý thức làm việc tốt và có khả năng thích ứng cao với công việc mới.
- Công tác quản lý đã và đang được xây dựng để thích hợp với các chiến lược kinh doanh mới .

Các biện pháp kiểm soát:

- Ban kiểm soát cả công ty luôn phối hợp với phòng Tài chính Kế toán và Ban lãnh đạo trong kiểm tra giám sát hoạt động của công ty.
- Hội đồng quản trị công ty luôn chỉ đạo trực tiếp, sát sao để có những quyết sách kịp thời nhằm thúc đẩy hoạt động và tháo gỡ vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

4. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2012

Trong năm 2012, dự kiến tình hình kinh tế phục hồi chậm, cuộc suy thoái kinh tế vẫn còn tiếp diễn, chúng ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty xác định năm 2012 sẽ là năm có vị trí ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển

của công ty. Ban lãnh đạo Công ty nhận thức Công ty đang phát triển với tốc độ nhanh về chất cũng như về lượng. Vì vậy, công tác quản trị và hệ thống quy trình kiểm soát nội bộ phải được chú trọng đầu tư và phát triển với tốc độ tương ứng. Chính sách của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC là đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ quản lý hiện có, kết hợp với thu hút lực lượng cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm từ các công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Bằng chính sách này, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã khai thác và phát huy được những thế mạnh và giá trị truyền thống của mình, áp dụng và sàng lọc những kinh nghiệm, phương pháp quản lý tốt, đặc biệt là quản lý kinh doanh bất động sản...

4.1. Tập trung nguồn lực giữ vững và mở rộng kinh doanh:

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.
- Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ của các dự án đầu tư.
- Đầu tư một cách hiệu quả vào các lĩnh vực tài chính, các công ty liên kết, công ty cổ phần khác.
- Tăng cường năng lực thiết bị, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.
- Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

4.2. Phát huy văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp:

- Tiếp tục đề cao tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm.
- Đưa các hoạt động của doanh nghiệp dần đi vào chuyên nghiệp hơn: các quy trình công việc, logo, màu sơn máy móc thiết bị, trang phục,...
- Hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài để tiếp thu khoa học quản lý, phong cách làm việc, tiếp thu tư duy mới trong quản trị, điều hành doanh nghiệp.

- Chính sách nuôi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực:

+ Công ty cũng tập trung nhiều vào chính sách phúc lợi, điều chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng thu nhập của người lao động gắn liền với hiệu quả kinh doanh, trên nguyên tắc công bằng, thực hiện nghiêm túc nội quy lao động trong Công ty. Thực hiện việc khen thưởng nhằm tôn vinh những cá nhân có nhiều cống hiến, cam kết làm việc lâu dài và là những

CBCNV tiềm năng của công ty. Các CBCNV này được chú trọng đào tạo phát triển và được xem xét vào vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

+ Tiếp tục nâng cao thu nhập cho người lao động tương xứng với hiệu quả kinh doanh. Thu nhập phải đảm bảo người lao động yên tâm công tác vì sự nghiệp phát triển chung, thu hút được nhân tài, đánh giá công bằng, khuyến khích cá nhân có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo trong công việc.

4.4. Những công tác cải tiến về chính sách quản lý:

- Từng bước cơ cấu lại Doanh nghiệp, phân định rõ trách nhiệm từng bộ phận, phòng ban, tránh chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ.
- Phân cấp, phân quyền cũng như giao trách nhiệm cao hơn nữa cho các trưởng bộ phận để nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm lao động và hiệu quả công việc của CBCNV.
- Hoàn thiện bộ máy và củng cố lực lượng nhân sự, cơ chế hoạt động, quy trình, chính sách chuyên nghiệp để sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới
- Áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng, sử dụng tài sản Công ty hợp lý.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ phải được đo lường và đánh giá theo các tiêu chí chất lượng.

4.5. Công tác thi đua khen thưởng:

Công ty thưởng các ngày lễ lớn 30/4, 1/5, 2/9 và dịp cuối năm (lương tháng thứ 13, thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch...). Bên cạnh đó còn có các chế độ đãi ngộ khác như: nghỉ mát, du lịch, khám chữa bệnh....

4.6. Công tác Tài chính kế toán:

- Tham gia góp vốn vào các công ty khác nhưng vẫn có hoạt động hỗ trợ cho các định hướng chính của FLC để tăng hiệu quả đầu tư và quay vòng vốn. Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

- Tạo mối quan hệ tốt đối với các đối tác chiến lược, các Ngân hàng, các Quỹ đầu tư... để nhận được các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong quá trình đầu tư, thực hiện dự án.

5. Kết luận

Trong năm 2011, nền kinh tế Việt Nam đã qua khỏi thời kỳ khó khăn, nhưng các yếu tố vĩ mô vẫn chưa ổn định và chưa tạo được lực đủ mạnh để đưa nền kinh tế trở lại giai đoạn phát triển. Nhưng chúng tôi tin tưởng rằng với tầm nhìn chiến lược và chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, năng lực quản lý, điều hành vững vàng của Ban Tổng giám đốc, tính chuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

nghiệp của Ban kiểm soát và sự quyết tâm, tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ, nhân viên và người lao động đang làm việc tại FLC, đã tiếp sức cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC ngày càng phát triển, hoàn thành kế hoạch năm 2012. Thay mặt Ban lãnh đạo và toàn thể CBNV, xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của các cổ đông đã đặt niềm tin vào FLC, cảm ơn sự nỗ lực hết mình của đội ngũ cán bộ công nhân viên đã đóng góp công sức và trí tuệ vào sự phát triển của FLC. Chúng tôi xin cam kết sẽ phấn đấu hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ năm 2012.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC về quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
- Căn cứ vào báo cáo quyết toán tài chính năm 2011 do Công Ty Cổ phần Tập đoàn FLC lập đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K kiểm toán.

Ban kiểm soát xin báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC như sau:

1. Tình hình hoạt động của công ty:

Tình hình tài chính năm 2011 của Công ty đã được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K. Trong đó:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	VND	32.217.129.500	136.201.198.700
Lợi nhuận sau thuế	VND	6.584.115.517	12.571.558.410
Tỷ suất doanh thu thuần năm 2011/ năm 2010	%		423
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2011/ năm 2010	%		191

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2011

2. Nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:**2.1. Nhận xét:**

Qua xem xét một số báo cáo và tình hình thực tế tại Công ty, Ban kiểm soát nhận xét một số vấn đề sau:

- Doanh thu và lợi nhuận năm 2011 so với năm 2010 có bước nhảy vọt, đánh dấu một sự cố gắng của Ban lãnh đạo cùng tập thể CBNV công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh.

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2011 đều tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, các quy trình, quy chế các phòng ban đang hoàn thiện và áp dụng có hiệu quả.

- Năm 2011 đánh dấu mốc phát triển mới của Tập đoàn FLC với việc niêm yết thành công cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Một số dự án lớn như toà nhà

FLC Landmark Tower đạt kế hoạch bàn giao căn hộ sớm hơn so với tiến độ 4 tháng, trong khi vẫn đảm bảo về chất lượng công trình cùng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông đồng bộ.

- Cuối tháng 01/2012, FLC đã hoàn tất quá trình chuyển văn phòng tập đoàn về FLC Landmark Tower, đồng thời phối hợp với Knight Frank - công ty tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản - cho thuê 5 tầng với mục đích văn phòng và thương mại.

- Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông mới đây 15/02/2012, FLC đã định hướng kế hoạch đầu tư dự án xây dựng khu sân golf - resort, vui chơi giải trí đang triển khai tại hồ Cẩm Quỳnh, Ba Vì, với quy mô đầu tư của dự án gần 3.400 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu 1.120 tỷ đồng, vốn vay ngân hàng dự kiến 2.274 tỷ đồng. Dự án trên được thực hiện qua 2 giai đoạn, dự kiến hoàn thành năm 2015.

2.2. Kiến nghị:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và xây dựng các tiêu chí để làm căn cứ kiểm soát.

3. Phương hướng hoạt động năm 2012 của Ban kiểm soát

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ Công ty và pháp luật nhà nước
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo điều lệ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Theo dõi các quy trình, quy chế kiểm soát nội bộ của các phòng ban trong công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính quý và năm của công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN CÔNG TY MẸ NĂM 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông : Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông : Lê Đình Vinh	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông : Nguyễn Thanh Bình	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2011) Thành viên
Ông : Doãn Văn Phương	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2011) Thành viên
Ông : Trịnh Hồng Quý	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông : Doãn Văn Phương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2011)
Ông : Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2011) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 05 năm 2011)
Bà : Trần Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trọng việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2012

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
Tổng Giám đốc

(Đã kí)

DOÃN VĂN PHƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		72.958.271.605	160.701.751.466
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	185.710.033	2.600.681.790
111	1. Tiền		185.710.033	2.600.681.790
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	2.200.000.000	128.168.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.200.000.000	128.170.480.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	(2.480.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.951.720.145	24.426.544.257
131	1. Phải thu khách hàng		63.518.263.108	10.503.823.257
132	2. Trả trước cho người bán		1.936.394.026	154.455.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		2.392.413.009	8.774.666.000
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	104.650.002	4.993.600.000
140	IV. Hàng tồn kho	V.04	878.845.118	-
141	1. Hàng tồn kho		878.845.118	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.741.996.309	5.506.525.419
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		399.373.687	588.297.119
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		510.708.945	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	831.913.677	4.918.228.300
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		297.249.952.051	113.142.050.271
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.365.852.130	1.900.563.634
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	7.730.532.592	1.889.563.634
222	- Nguyên giá		8.777.307.657	2.105.939.931
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.046.775.065)	(216.376.297)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.07	635.319.538	11.000.000
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		285.897.516.288	110.679.957.869
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.08	129.191.000.000	112.991.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.09	159.000.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.10	(2.293.483.712)	(2.311.042.131)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.986.583.633	561.528.768
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	2.783.086.121	358.031.256
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	203.497.512	203.497.512
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		370.208.223.656	273.843.801.737

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		149.477.067.587	53.274.463.557
310	I. Nợ ngắn hạn		147.639.861.812	53.274.463.557
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.13	65.746.000.000	908.886.510
312	2. Phải trả người bán		63.671.803.119	742.049.603
313	3. Người mua trả tiền trước		302.692.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.440.412.120	2.768.703.390
315	5. Phải trả người lao động		687.740.860	1.778.435.952
316	6. Chi phí phải trả		145.442.908	7.415.300
317	7. Phải trả nội bộ		-	38.800.200.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.15	12.178.328.955	8.196.377.884
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		467.441.850	72.394.918
330	II. Nợ dài hạn		1.837.205.775	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.16	1.508.000.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		329.205.775	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.731.156.069	220.569.338.180
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	220.731.156.069	220.569.338.180
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		170.000.000.000	170.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.000.000.000	42.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4.028.264.228	77.794.918
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		658.411.551	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		368.103.234	38.897.459
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.676.377.056	8.452.645.803
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		370.208.223.656	273.843.801.737

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

(Đã kí)

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyên Ngọc

Dương Minh Thông

Doãn Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	131.762.261.964	57.539.012.332
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.18	-	25.429.483.035
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	131.762.261.964	32.109.529.297
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.19	123.731.672.463	16.877.477.343
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.030.589.501	15.232.051.954
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	28.937.396.948	4.618.266.121
22	7. Chi phí tài chính	VI.21	10.056.214.016	3.039.447.330
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.892.208.290	200.200.000
24	8. Chi phí bán hàng		79.116.977	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.706.821.078	6.344.860.702
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.125.834.378	10.466.010.043
31	11. Thu nhập khác		170.504.704	293.775.700
32	12. Chi phí khác		190.597.760	200.873.845
40	13. Lợi nhuận khác		(20.093.056)	92.901.855
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.105.741.322	10.558.911.898
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.22	4.319.670.726	2.689.727.975
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.786.070.596	7.869.183.923

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyên Ngọc

Kế toán trưởng

(Đã kí)

Dương Minh Thông

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

Doãn Văn Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		<i>17.105.741.322</i>	<i>10.558.911.898</i>
	<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	- Khấu hao tài sản cố định		830.398.768	216.376.297
03	- Các khoản dự phòng		(20.038.419)	2.313.522.131
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.919.838.529)	(4.618.266.121)
06	- Chi phí lãi vay		9.892.208.290	200.200.000
08	<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>		<i>1.111.528.568</i>	<i>8.670.744.205</i>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(53.014.439.851)	(11.615.405.257)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(878.854.118)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		70.193.434.660	49.476.820.811
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		138.027.608	3.517.946.692
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.653.757.437)	(246.490.060)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.264.642.562	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.659.175.287)	(5.400.000)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>24.278.349.569</i>	<i>49.798.216.391</i>
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.295.687.264)	(2.116.939.931)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(128.170.480.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		125.970.480.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(175.200.000.000)	(112.991.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.286.972.448	1.057.127.121
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(54.238.234.816)</i>	<i>(242.221.292.810)</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			194.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		66.345.113.490	908.886.510
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(38.800.200.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>27.544.913.490</i>	<i>194.908.886.510</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.414.971.757)	2.485.810.091
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.600.681.790	114.871.699
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		185.710.033	2.600.681.790

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyễn Ngọc

Kế toán trưởng

(Đã kí)

Dương Minh Thông

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

Doãn Văn Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****4.1.1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp CRV - chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Trường Phú Fortune - theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 01 số 0102033961 ngày 17 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 02 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là: 170.000.000.000 VND (Một trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Các công ty, tổ chức	2.964.343	29.643.430.000	17,44
Các cá nhân	14.035.657	140.356.570.000	82,56
Cộng	17.000.000	170.000.000.000	100,00

5. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

6. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác nhau liên quan đến máy vi tính; Sửa chữa thiết bị liên lạc; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động sản xuất bản phẩm); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Buôn bán máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác vùng trong mạch điện); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khóa, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ. Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự. Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; Hoạt động viễn thông dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính); Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung

cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); (Chỉ hoạt động sau khi có được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh ...

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

6.1. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6.2. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: *Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.*

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
Các tài sản khác	03 – 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời điểm} \\ \text{lập báo cáo tài chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{thực tế trên} \\ \text{thị trường} \end{array} \right)$$

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty ước tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn (hoặc thấp hơn) so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế TNDN năm 2011 là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY

TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	56.839.390	1.887.001.286
Tiền gửi ngân hàng	128.870.643	713.680.504
Cộng	185.710.033	2.600.681.790

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND Giá trị	Số lượng	VND Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.200.000.000		2.870.480.000
- Cổ phiếu SD9	-		20.000	454.480.000
- Cổ phiếu PVX	-		10.000	216.000.000
- Cổ phiếu C.ty CP Cavico XD Thủy điện	200.000	2.200.000.000	200.000	2.200.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-			125.300.000.000
- Đầu tư vào C.ty TNHH TM & Dịch vụ Công nghệ cao B&T	-			4.800.000.000
- C.ty CP Đầu tư Tài chính Ninh Bắc (*)	-			120.500.000.000
Cộng		2.200.000.000		128.170.480.000

(*) Cho Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Ninh Bắc (nay là Công ty Cổ phần FLC Land) vay với thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất 1.7%/tháng. Khoản vay đã được tất toán và thu hồi trong năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội****3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác	104.650.002	4.993.600.000
- Công ty Cổ phần FLC Land	-	3.474.750.000
- Doãn Văn Phương	-	600.000.000
- Công ty Chứng khoán Thăng Long	-	918.850.000
- Nguyễn Thị Hồng Dung	104.650.002	
	104.650.002	4.993.600.000

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng hóa	878.845.118	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	878.845.118	

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	-	-
	831.913.677	4.918.228.300
Cộng	831.913.677	4.918.228.300

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	1.879.042.995	186.854.636	40.042.300	2.105.939.931
Số tăng trong năm	-	6.517.885.909	207.991.817	-	6.725.877.726
- Mua trong năm	-	6.517.885.909	207.991.817	-	6.725.877.726
Số giảm trong năm	-	-	54.510.000	-	54.510.000
- Chuyển sang BĐS đ.tu	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	54.510.000	-	54.510.000
Số dư cuối năm	-	8.396.928.904	340.336.453	40.042.300	8.777.307.657
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	163.209.656	41.026.280	12.140.361	216.376.297
Số tăng trong năm	-	761.350.997	55.700.339	13.347.432	830.398.768
- Khấu hao trong năm	-	761.350.997	55.700.339	13.347.432	830.398.768
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	924.560.653	96.726.619	25.487.793	1.046.775.065
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	1.715.833.339	145.828.356	27.901.939	1.889.563.634
Tại ngày cuối năm	-	7.472.368.251	243.609.834	14.554.507	7.730.532.592

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang	635.319.538	11.000.000
Trong đó: Những công trình lớn:		
- Thăm dò khoáng sản	440.359.811	11.000.000
- Dự án Mê Trì	38.959.727	-
- Văn phòng FLC	156.000.000	-
Cộng	635.319.538	11.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty kiểm soát 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con như sau:

TT	Tên Công ty	Ngày có quyền kiểm soát	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần FLC GolfNet	08/06/2010	Hà Nội	98	98	Dịch vụ, thương mại
2	Công ty TNHH Hải Châu	11/05/2010	Vĩnh Phúc	99,13	99,13	Sản xuất, dịch vụ, thương mại
3	Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	01/04/2010	Hà Nội	91,67	91,67	Dịch vụ, thương mại
4	Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC	28/03/2011	Hà Nội	72	72	Dịch vụ, tư vấn
5	Công ty Cổ phần FLC Media	07/12/2011	Hà Nội	90	90	Dịch vụ, thương mại

Số tiền đầu tư vào các công ty con như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	16.900.000.000	16.900.000.000
Công ty TNHH Hải Châu	93.341.000.000	93.341.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA	2.750.000.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC	7.200.000.000	-
Công ty Cổ phần FLC Media	9.000.000.000	-
Cộng	<u>129.191.000.000</u>	<u>112.991.000.000</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 2 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

TT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC	135.000	Hà Nội	37,04	37,04	Kinh doanh chứng khoán
2	Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	160.000	Hà Nội	49,38	49,38	Dịch vụ, thương mại

Số dư chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	79.000.000.000	-
Cộng	159.000.000.000	-

10. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	1.747.300.067	316.107.694
Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	151.448.007	-
Công ty CP Đại Lý thuế FLC	394.735.638	-
Công ty TNHH Hải Châu	-	1.994.934.437
Cộng	2.293.483.712	2.311.042.131

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí quảng cáo, tổ chức sự kiện	2.652.792.147	-
Công cụ dụng cụ	130.293.974	358.031.256
Cộng	2.783.086.121	358.031.256

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	203.497.512	203.497.512
Cộng	203.497.512	203.497.512

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn	65.746.000.000	908.886.510
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	-	908.886.510
- Công ty Cổ phần FLC Land (*)	20.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần ĐTTC & Địa ốc FLC (*)	45.500.000.000	-
- Ngân hàng VIB - CN Đống Đa	246.000.000	-
Cộng	65.746.000.000	908.886.510

(*) Khoản đi vay không có tài sản thế chấp với thời hạn vay 03 tháng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay 1%/tháng. Hình thức giao dịch bằng tiền mặt.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	51.397.245
Thuế xuất, nhập khẩu	17.059.063	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.274.170.726	2.608.257.437
Thuế thu nhập cá nhân	149.182.331	109.048.708
Cộng	4.440.412.120	2.768.703.390

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	86.902.210	53.819.379
Bảo hiểm xã hội	175.257.345	34.106.845
Các khoản phải trả, phải nộp khác (cổ tức)	11.916.169.400	8.108.451.660
Cộng	12.178.328.955	8.196.377.884

16. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn	3.016.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Đống Đa	1.508.000.000	-
Cộng	1.508.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	-	-	-	777.949.175
Tăng vốn trong năm trước	152.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.869.183.923
Giảm khác	-	-	-	-	194.487.295
Số dư cuối năm trước	170.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	8.452.645.803
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	3.950.469.310	329.205.775	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	12.786.070.596
Giảm khác	-	-	-	-	17.562.339.343
Số dư cuối kỳ	170.000.000.000	42.000.000.000	4.028.264.228	368.103.234	3.676.377.056

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của các đối tượng khác	170.000.000.000	100%	170.000.000.000	100%
- Do pháp nhân nắm giữ	62.000.000.000	36%	62.800.000.000	37%
- Do thể nhân nắm giữ	108.000.000.000	64%	107.200.000.000	63%
Cộng	170.000.000.000		170.000.000.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	170.000.000.000	18.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	152.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	170.000.000.000	170.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY

TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	125.872.298.424	39.999.075.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.889.963.540	17.539.936.336
Cộng	131.762.261.964	57.539.012.332

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	25.429.483.035
Cộng	-	25.429.483.035

DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	125.872.298.424	14.569.592.961
Doanh thu thuần dịch vụ	5.889.963.540	17.539.936.336
Cộng	131.762.261.964	32.109.529.297

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	122.683.181.973	13.677.619.843
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.048.490.490	3.199.857.500
Cộng	123.731.672.463	16.877.477.343

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay (*)	28.937.396.948	4.618.266.121
Cộng	28.937.396.948	4.618.266.121

(*) Thu nhập hoạt động tài chính trong năm 2011 chủ yếu phát sinh từ khoản lãi cho các cá nhân bên ngoài công ty vay với thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 2,25%/tháng và khoản lãi cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC và Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Ninh Bắc (nay là Công ty Cổ phần FLC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Land) vay để phục vụ hoạt động kinh doanh với thời hạn vay 03 tháng theo từng khế ước nhận nợ, tài sản thế chấp: tín chấp, lãi suất từ 1%-1,7%/tháng. Hình thức giao dịch bằng tiền mặt.

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay (*)	9.892.208.290	200.200.000
Chi phí tài chính khác	164.005.726	2.839.247.330
Cộng	10.056.214.016	3.039.447.330

(*) Chi phí tài chính phát sinh trong năm chủ yếu là khoản lãi vay từ khoản vay Công ty Cổ phần FLC Land, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC theo như Thuyết minh số 13.

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.319.670.726	2.689.727.975
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	4.319.670.726	2.689.727.975

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

23. CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ngày 09/09/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 487/QĐ-SGDHN chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn FLC. Theo đó, Công ty được chấp thuận chính thức niêm yết 17 triệu cổ phiếu với tổng giá trị 170 tỷ đồng, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch chính thức tại HNX vào ngày 05/10/2011.

Công ty nắm quyền kiểm soát thêm 2 Công ty con là Công ty CP Đại lý thuế FLC (chiếm tỷ lệ sở hữu 72%, tương ứng 7.200.000.000 VND, ngày kiểm soát từ 28/03/2011) và Công ty CP FLC Media (chiếm tỷ lệ sở hữu 90%, tương ứng 9.000.000.000 VND, ngày kiểm soát từ 07/12/2011)

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần FLC Land (cổ đông) đã nhượng lại toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty (5.200.000 CP, tương đương 52.000.000.000 VND). Công ty đã gửi Thông báo chuyển nhượng cổ phần tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Thông báo số 01/TB/FLC – 2012 ngày 05/01/2012.

Theo Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/FLC-2012 ngày 15/02/2012 của Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần FLC Land vào Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC. Việc sáp nhập được thực hiện theo phương thức hoán đổi cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

phần. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC sẽ phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông của Công ty Cổ phần FLC Land để hoán đổi lấy 100% tổng số cổ phần FLC Land.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần FLC Land	56.694.292.641	17.067.320.234
Công ty Luật TNHH SMIC	2.622.727.273	480.000.000
Thuế GTGT đầu ra của hàng bán và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần FLC Land	5.669.429.265	1.706.732.023
Công ty Luật TNHH SMIC	262.272.727	48.000.000
Các khoản đã thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần FLC Land	68.016.629.558	10.218.880.000
Công ty Luật TNHH SMIC	1.518.000.000	-
Đặt cọc cho khách hàng		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	50.000.000.000
Thu hồi tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	50.000.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	123.054.544
Công ty Luật TNHH SMIC	2.766.599.000	593.535.000
Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	12.305.454
Công ty Luật TNHH SMIC	276.659.900	59.353.500
Đã trả cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	-
Công ty Luật TNHH SMIC	2.842.325.200	438.240.000
Cho vay có tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	152.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	15.225.000.000
Công ty Cổ phần FLC Golfnet	-	8.200.000.000
Công ty TNHH Hải Châu	-	381.166.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (tiếp):

Thu lại gốc vay của các khoản vay có tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	120.500.000.000	31.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	15.225.000.000
Cho vay không tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	30.000.000.000
Thu hồi gốc vay không tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	30.000.000.000
Lãi cho vay phải thu trong kỳ		
Công ty Cổ phần FLC Land	6.327.750.000	3.474.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	225.000.000
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	-	193.500.000
Lãi cho vay đã thu trong kỳ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	225.000.000
Công ty Cổ phần FLC Land	9.802.500.000	-
Vay ngắn hạn có tính lãi		
Công ty TNHH Hải Châu	-	38.600.000.000
Công ty Cổ phần FLC Land	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	252.000.000.000	-
Vay ngắn hạn khác, không tính lãi (*)		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	1.500.000.000
Ông Doãn Văn Phương	-	731.924.000
Hoàn trả gốc vay (*)		
Công ty TNHH Hải Châu	-	-
Công ty Cổ phần FLC Land	38.500.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	232.000.000.000	-
Ông Doãn Văn Phương	-	1.331.924.000
Chi phí lãi vay		
Công ty TNHH Hải Châu	-	200.200.000
Công ty Cổ phần FLC Land	3.718.915.323	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	7.099.032.257	-
Hoàn trả lãi vay (*)		
Công ty Cổ phần FLC Land	4.218.915.323	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	7.099.032.257	-
Đặt cọc để mua nhà (trả trước cho người bán)		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	117.445.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (tiếp):

Thu hồi tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	126.695.000.000
Thu hộ tiền từ khách hàng mua nhà		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	44.158.695.700
Hoàn trả tiền thu hộ từ khách hàng mua nhà		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	37.045.419.700
Góp vốn điều lệ		
Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	-	2.750.000.000
Công ty CP đại lý thuế FLC	7.200.000.000	-
Công ty Cổ phần FLC Media	9.000.000.000	-
Công ty CP FLC golf & Resort	79.000.000.000	-
Nhận vốn góp		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	52.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huế	-	4.522.580.000
Thu hồi tạm ứng từ nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huế	-	11.903.830.000

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)		
Công ty CP FLC Land	-	120.500.000.000
Phải thu khách hàng		
Công ty CP FLC Land	2.902.264.605	8.555.172.257
Công ty Luật TNHH SMIC	1.895.000.000	528.000.000
Công ty CP FLC Media	29.745.100	-
Các khoản phải thu khác		
Công ty CP FLC Land	-	3.474.750.000
Ông Doãn Văn Phương	-	600.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn		
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	1.998.350.000	8.393.500.000
Công ty TNHH Hải Châu	394.063.009	381.166.000
Tạm ứng cho nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huế	-	1.618.750.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	135.359.998
Công ty Luật TNHH SMIC	415.582.200	214.648.500
Công ty CP FLC Land	1.372.887.500	-
Phải trả nội bộ		
Công ty TNHH Hải Châu	165.033.333	38.800.200.000
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	58.676.500	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Công ty CP FLC Land	45.500.000.000	7.613.276.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	20.000.000.000	-

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

(Đã kí)

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyên Ngọc

Dương Minh Thông

Doãn Văn Phương

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		227.524.152.230	176.777.992.400
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	634.156.486	4.355.914.330
111	1. Tiền		634.156.486	4.355.914.330
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	139.940.002.000	148.018.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		139.940.002.000	148.020.480.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	(2.480.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.395.737.619	17.096.302.315
131	1. Phải thu khách hàng		63.876.304.736	10.559.713.982
132	2. Trả trước cho người bán		4.768.942.490	154.455.000
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	4.750.490.393	6.382.133.333
140	IV. Hàng tồn kho		2.047.117.570	352.468.928
141	1. Hàng tồn kho	V.04	2.047.117.570	352.468.928
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.507.138.555	6.955.306.827
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		534.705.795	663.059.437
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.089.864.495	1.331.724.553
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		8.882.568.265	4.960.522.837
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		223.705.180.016	59.056.572.286
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	3.580.649.191
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	3.580.649.191
220	II. Tài sản cố định		28.024.536.875	18.764.716.708
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.05	25.565.125.308	12.818.189.265
222	- Nguyên giá		29.599.676.959	14.340.588.058
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.034.551.651)	(1.522.398.793)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	2.459.411.567	5.946.527.443
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		159.272.831.926	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.07	159.272.831.926	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		36.407.811.215	36.711.206.387
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.410.351.172	1.522.532.828
268	3. Tài sản dài hạn khác		203.497.512	203.497.512
269	VI. Lợi thế thương mại	V.08	32.793.962.531	34.985.176.047
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		451.229.332.246	235.834.564.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		225.939.971.481	15.391.061.860
310	I. Nợ ngắn hạn		224.102.765.706	15.391.061.860
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.09	135.142.000.000	908.886.510
312	2. Phải trả người bán		64.896.414.145	1.437.634.100
313	3. Người mua trả tiền trước		538.544.304	49.818.974
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	5.587.691.715	2.820.163.645
315	5. Phải trả người lao động		1.016.080.604	1.890.806.729
316	6. Chi phí phải trả		145.442.908	7.415.300
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.11	16.309.150.180	8.203.941.684
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		467.441.850	72.394.918
330	II. Nợ dài hạn		1.837.205.775	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.12	1.508.000.000	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		329.205.775	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		221.375.356.103	219.520.996.753
410	I. Vốn chủ sở hữu		221.375.356.103	219.520.996.753
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.13	170.000.000.000	170.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	V.13	42.000.000.000	42.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu	V.13	1.243.883.693	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	V.13	4.339.235.151	77.794.918
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.280.353.399	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	V.13	368.103.234	38.897.459
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V>13	2.143.780.626	7.404.304.376
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		3.914.004.662	922.506.073
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		451.229.332.246	235.834.564.686

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

(Đã kí)

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyên Ngọc

Dương Minh Thông

Doãn Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.14	136.201.198.700	57.646.612.535
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.14	-	25.429.483.035
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.14	136.201.198.700	32.217.129.500
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.15	125.931.561.619	17.063.880.502
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.269.637.081	15.153.248.998
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.16	41.572.187.682	6.023.708.321
22	7. Chi phí tài chính	VI.17	13.870.544.616	652.448.254
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		13.870.544.616	124.243.055
24	8. Chi phí bán hàng		810.278.120	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		19.631.859.424	9.940.713.728
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.529.142.603	10.583.795.337
31	11. Thu nhập khác		173.987.858	293.785.700
32	12. Chi phí khác		190.597.761	1.563.259.181
40	13. Lợi nhuận khác		(16.609.903)	(1.269.473.481)
45	14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		272.831.926	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.785.364.626	9.314.321.856
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.18	5.213.806.216	2.730.206.339
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.571.558.410	6.584.115.517
61	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		134.195.929	(236.726.979)
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		12.437.362.481	6.820.842.496
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.19	732	612

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyên Ngọc

Kế toán trưởng

(Đã kí)

Dương Minh Thông

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

Doãn Văn Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		17.785.364.626	9.314.321.856
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.512.152.858	621.012.049
03	- Các khoản dự phòng		(2.480.000)	2.480.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			(4.664.074.985)
06	- Chi phí lãi vay			124.243.055
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.295.037.484	5.397.981.975
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(51.684.947.814)	4.630.959.296
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.694.648.642)	(33.093.427)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		69.057.928.646	1.922.613.584
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.912.322.910)	4.172.497.084
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.788.000.000)	(124.243.055)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.882.319.999)	(246.490.060)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.638.765.738	250.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.346.922.699)	(5.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.682.569.804	15.964.825.397
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(15.259.088.901)	(9.818.606.670)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(148.020.480.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.080.478.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(159.253.802.685)	(46.864.674.094)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.286.972.448	1.162.391.654
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(164.145.441.138)	(203.541.369.110)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	194.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		135.741.113.490	908.886.510
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(3.091.300.166)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		135.741.113.490	191.817.586.344
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.721.757.844)	4.241.042.631
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.355.914.330	114.871.699
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		634.156.486	4.355.914.330

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Đã kí)

Ngô Thị Nguyễn Ngọc

Kế toán trưởng

(Đã kí)

Dương Minh Thông

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

Doãn Văn Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2011****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****7.1.1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp CRV - chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Trường Phú Fortune - theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 01 số 0102033961 ngày 17 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 02 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là: 170.000.000.000 VND (Một trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

TT	Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần FLC Golfnet	Hà Nội	98	98	Dịch vụ, thương mại
2	Công ty TNHH Hải Châu	Vĩnh Phúc	99,13	99,13	Sản xuất, dịch vụ, thương mại
3	Công ty Cổ phần đào tạo Golf VP GA	Hà Nội	91,67	91,67	Dịch vụ, thương mại
4	Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC	Hà Nội	72	72	Dịch vụ tư vấn
5	Công ty Cổ phần FLC Media	Hà Nội	90	90	Dịch vụ, thương mại

7.1.1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

7.1.1.3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác nhau liên quan đến máy vi tính; Sửa chữa thiết bị liên lạc; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện; Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động sản xuất bản phẩm); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Buôn bán máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác vùng trong mạch điện); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sửa chữa

máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Sửa chữa thiết bị khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khóa, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ. Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự. Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; Hoạt động viễn thông dây (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính); Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh; Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada; Cung cấp truy cập Internet thông qua các mạng kết nối giữa khách hàng và ISP nhưng không do ISP sở hữu và vận hành, như truy cập Internet quay số (dial-up); Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VOIP (điện thoại Internet); (Chỉ hoạt động sau khi có được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh ...

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

7.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

7.3. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực

hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

8.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

8.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
Các tài sản khác	03 – 05 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

9.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

9.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu} \\ \text{thực có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	--	---	---

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty ước tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn (hoặc thấp hơn) so với mệnh giá.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Vốn khác tăng trong năm 2011: 1.243.883.693 đồng gồm khoản trích lập quỹ khen thưởng cho Ban điều hành: 932.912.770 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 310.970.923 đồng theo Nghị quyết số 01 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 15/02/2012.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế TNDN năm 2011 là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản; cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm toán. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số: Lợi ích của cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty, trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh: Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Khoản lỗ phát sinh giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày nắm quyền kiểm soát. Lợi thế thương mại được coi là tài sản cố định vô hình và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian ước tính là 10 năm.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY

TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	311.596.652	3.577.027.483
Tiền gửi ngân hàng	322.559.834	778.886.847
Cộng	634.156.486	4.355.914.330

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		2.200.000.000		2.870.480.000
- Cổ phiếu SD9			20.000	454.480.000
- Cổ phiếu PVX			10.000	216.000.000
- Cổ phiếu C.ty CP Cavico XD Thủy điện	200.000	2.200.000.000	200.000	2.200.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		137.740.002.000		145.150.000.000
- Đầu tư vào C.ty TNHH TM & Dịch vụ Công nghệ cao B&T				4.800.000.000
- C.ty CP Đầu tư Tài chính Ninh Bắc				127.000.000.000
- Cho các cá nhân vay (*)		137.740.002.000		13.350.000.000
Cộng		139.940.002.000		148.020.480.000

(*) Cho các cá nhân bên ngoài Công ty vay để kinh doanh, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất vay 2,25%/tháng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc cho các cá nhân vay đã được Công ty thẩm định để đảm bảo khả năng thu hồi vốn vay cũng như thu được lợi ích từ việc cho vay này.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khác	4.750.490.393	6.382.133.333
Cộng	4.750.490.393	6.382.133.333

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.047.117.570	352.468.928
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	2.047.117.570	352.468.928

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.903.010.672	1.320.750.000	2.405.340.450	711.486.936	14.340.588.058
Số tăng trong năm	7.162.585.065	205.299.999	7.144.249.273	746.954.564	15.259.088.901
- Mua trong năm	19.505.500	205.299.999	6.517.885.909	153.053.619	6.895.745.027
- Đầu tư XD/CB h. thành	7.143.079.565	-	-	-	7.143.079.565
- Tăng khác	-	-	626.363.364	593.900.945	1.220.264.309
Số dư cuối năm	17.065.595.737	1.526.049.999	9.549.589.723	1.458.441.500	29.599.676.959
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.240.679.441	642.857	227.909.854	53.166.641	1.522.398.793
Số tăng trong năm	1.034.661.889	335.807.695	908.169.610	233.513.664	2.512.152.858
- Khấu hao trong năm	1.034.661.889	335.807.695	836.398.779	100.594.361	2.307.462.724
- Tăng khác	-	-	71.770.831	132.919.303	204.690.134
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.275.341.330	336.450.552	1.136.079.464	286.680.305	4.034.551.651
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.662.331.231	1.320.107.143	2.177.430.596	658.320.295	12.818.189.265
Tại ngày cuối năm	14.790.254.407	1.189.599.447	8.413.510.259	1.171.761.195	25.565.125.308

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.459.411.567	5.946.527.443
Trong đó: Những công trình lớn:		
- Nhà văn phòng 7 tầng tại Vĩnh Phúc	1.642.124.763	1.642.124.763
- Sân tập Golf, tennis tại Mỹ Đình		4.293.402.680
- Thăm dò khoáng sản	635.319.538	11.000.000
- Dự án Madola Vĩnh Phúc	181.967.266	-
Cộng	2.459.411.567	5.946.527.443

7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 2 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

TT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC	135.000	Hà Nội	37,04	37,04	Kinh doanh chứng khoán
2	Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	160.000	Hà Nội	49,38	49,38	Dịch vụ, thương mại

Số dư chi tiết khoản đầu tư công ty liên kết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC	80.272.831.926	-
Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	79.000.000.000	-
Cộng	159.272.831.926	-

8. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày 01 tháng 01	34.985.176.047	-
Tăng trong năm	1.600.701.347	37.276.036.599
Phân bổ trong năm	3.791.914.863	2.290.860.552
Tại ngày 31 tháng 12	32.793.962.531	34.985.176.047

Trong đó, lợi thế thương mại chưa phân bổ của việc mua các công ty con:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	10.874.460.033	12.163.572.703
Công ty TNHH Hải Châu	20.383.112.354	22.821.603.344
Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC	707.236.840	-
Công ty Cổ phần FLC Media	829.153.304	-
Cộng	32.793.962.531	34.985.176.047

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	135.142.000.000	908.886.510
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	-	908.886.510
- Công ty Cổ phần FLC Land (*)	20.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần ĐTTTC & Địa ốc FLC (*)	114.896.000.000	-
- Ngân hàng VIB - CN Đống Đa	246.000.000	-
Cộng	135.142.000.000	908.886.510

(*) Các khoản vay đầu tư sản xuất kinh doanh theo các hợp đồng vay ký trong năm 2011 với thời hạn vay 03 tháng đáo hạn một lần và ký tiếp hợp đồng mới, lãi suất 1%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	125.622.427	51.397.245
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.516.118	2.334.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.243.710.274	2.655.914.619
Thuế thu nhập cá nhân	196.842.896	110.517.708
Cộng	5.587.691.715	2.820.163.645

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.309.150.180	8.203.941.684
- Công ty Cổ phần FLC Land		7.613.276.000
- Công ty Cổ phần ĐTTC & Địa ốc FLC	3.808.225.000	
- Phải trả từ mua chứng khoán		438.800.000
- Khách lẻ khác	600.925.180	151.865.684
- Phải trả cổ tức tạm ứng	11.900.000.000	
Cộng	16.309.150.180	8.203.941.684

12. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn	1.508.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế	1.508.000.000	-
Cộng	1.508.000.000	-

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	-	-		777.949.175
Tăng vốn trong năm trước	152.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	
Lãi trong năm trước					6.820.842.496
Tăng khác					
Giảm vốn trong năm trước					
Lỗ trong năm trước					
Giảm khác					194.487.295
Số dư cuối năm trước	170.000.000.000	42.000.000.000	77.794.918	38.897.459	7.404.304.376
Tăng vốn trong kỳ này			4.261.440.233	329.205.775	
Lãi trong kỳ này					12.437.362.481
Tăng khác		-	-		-
Giảm khác				-	17.697.886.231
Số dư cuối kỳ	170.000.000.000	42.000.000.000	4.339.235.151	368.103.234	2.143.780.626

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của các cổ đông	170.000.000.000	100%	170.000.000.000	100%
- Do pháp nhân nắm giữ	62.800.000.000	37%	62.800.000.000	37%
- Do thể nhân nắm giữ	107.200.000.000	63%	107.200.000.000	63%
Cộng	170.000.000.000		170.000.000.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	170.000.000.000	18.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	152.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	170.000.000.000	170.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.000.000	17.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.000.000	17.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	127.713.376.596	40.090.574.015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.487.822.104	17.556.038.520
Cộng	136.201.198.700	57.646.612.535

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	25.429.483.035
Cộng	-	25.429.483.035

DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	127.713.376.596	14.661.090.980
Doanh thu thuần dịch vụ	8.487.822.104	17.556.038.520
Cộng	136.201.198.700	32.217.129.500

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	124.170.702.597	13.716.858.592
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.760.859.022	3.347.021.910
Cộng	125.931.561.619	17.063.880.502

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.572.187.682	6.023.708.321
Cộng	41.572.187.682	6.023.708.321

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.870.544.616	124.243.055
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	528.205.199
Cộng	13.870.544.616	652.448.254

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.213.806.216	2.730.206.339
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	5.213.806.216	2.730.206.339

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	12.437.362.481	6.820.842.496
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	12.437.362.481	6.820.842.496
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.000.000	11.144.347
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	732	612

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

20. CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ngày 09/09/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 487/QĐ-SGDHN chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn FLC. Theo đó, Công ty được chấp thuận chính thức niêm yết 17 triệu cổ phiếu với tổng giá trị 170 tỷ đồng, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch chính thức tại HNX vào ngày 05/10/2011.

Công ty nắm quyền kiểm soát thêm 2 Công ty con là Công ty CP Đại lý thuế FLC (chiếm tỷ lệ sở hữu 72%, tương ứng 7.200.000.000 VND, ngày kiểm soát từ 28/03/2011) và Công ty CP FLC Media (chiếm tỷ lệ sở hữu 90%, tương ứng 9.000.000.000 VND, ngày kiểm soát từ 07/12/2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần FLC Land (cổ đông) đã nhượng lại toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty (5.200.000 CP, tương đương 52.000.000.000 VND). Công ty đã gửi Thông báo chuyển nhượng cổ phần tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Thông báo số 01/TB/FLC – 2012 ngày 05/01/2012.

Theo Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/FLC-2012 ngày 15/02/2012 của Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần FLC Land vào Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC. Việc sáp nhập được thực hiện theo phương thức hoán đổi cổ phần. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC sẽ phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông của Công ty Cổ phần FLC Land để hoán đổi lấy 100% tổng số cổ phần FLC Land.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần FLC Land	62.363.721.906	18.774.052.257
Công ty Luật TNHH SMIC	2.885.000.000	528.000.000
Các khoản đã thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần FLC Land	68.016.629.558	10.218.880.000
Công ty Luật TNHH SMIC	1.518.000.000	-
Đặt cọc cho khách hàng		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	50.000.000.000
Thu hồi tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	50.000.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	123.054.544
Công ty Luật TNHH SMIC	2.766.599.000	593.535.000
Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	12.305.454
Công ty Luật TNHH SMIC	276.659.900	59.353.500
Đã trả cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	-
Công ty Luật TNHH SMIC	2.842.325.200	438.240.000
Cho vay có tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	152.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	15.225.000.000
Công ty Cổ phần FLC Golfnet	-	8.200.000.000
Công ty TNHH Hải Châu	-	381.166.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (tiếp):

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Thu lại gốc vay của các khoản vay có tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	120.500.000.000	31.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	15.225.000.000
Công ty Cổ phần FLC Golfnet	-	-
Cho vay không tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	30.000.000.000
Thu hồi gốc vay không tính lãi		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	30.000.000.000
Lãi cho vay phải thu trong kỳ		
Công ty Cổ phần FLC Land	6.327.750.000	3.474.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	225.000.000
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	-	193.500.000
Lãi cho vay đã thu trong kỳ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC		225.000.000
Công ty Cổ phần FLC Land	9.802.500.000	
Vay ngắn hạn có tính lãi		
Công ty TNHH Hải Châu	-	38.600.000.000
Công ty Cổ phần FLC Land	84.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	252.000.000.000	
Vay ngắn hạn khác, không tính lãi (*)		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	1.500.000.000
Ông Doãn Văn Phương	-	731.924.000
Hoàn trả gốc vay (*)		
Công ty TNHH Hải Châu	-	-
Công ty Cổ phần FLC Land	38.500.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	232.000.000.000	
Ông Doãn Văn Phương	-	1.331.924.000
Chi phí lãi vay		
Công ty TNHH Hải Châu	-	200.200.000
Công ty Cổ phần FLC Land	3.718.915.323	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	7.099.032.257	-
Hoàn trả lãi vay (*)		
Công ty Cổ phần FLC Land	4.218.915.323	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	7.099.032.257	-
Đặt cọc để mua nhà (trả trước cho người bán)		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	117.445.000.000
Thu hồi tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	126.695.000.000
Thu hộ tiền từ khách hàng mua nhà		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	44.158.695.700
Hoàn trả tiền thu hộ từ khách hàng mua nhà		
Công ty Cổ phần FLC Land	-	37.045.419.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Góp vốn điều lệ	-	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VP GA	-	2.750.000.000
Công ty CP đại lý thuế FLC	7.200.000.000	
Công ty Cổ phần FLC Media	9.000.000.000	
Công ty CP FLC golf & Resort	79.000.000.000	
Nhận vốn góp		-
Công ty Cổ phần FLC Land	-	52.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huế		4.522.580.000
Thu hồi tạm ứng từ nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huế	-	11.903.830.000

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)		
Công ty CP FLC Land	-	120.500.000.000
Phải thu khách hàng		
Công ty CP FLC Land	2.902.264.605	8.555.172.257
Công ty Luật TNHH SMIC	1.895.000.000	528.000.000
Công ty CP FLC Media	29.745.100	-
Các khoản phải thu khác		
Công ty CP FLC Land	-	3.474.750.000
Ông Doãn Văn Phương	-	600.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn		
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	1.998.350.000	8.393.500.000
Công ty TNHH Hải Châu	394.063.009	381.166.000
Tạm ứng cho nhân viên		
Bà Trịnh Thị Minh Huế	-	1.618.750.000
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	-	135.359.998
Công ty Luật TNHH SMIC	415.582.200	214.648.500
Công ty CP FLC Land	1.372.887.500	-
Phải trả nội bộ		
Công ty TNHH Hải Châu	165.033.333	38.800.200.000
Công ty Cổ phần FLC GolfNet	58.676.500	-
Các khoản vay ngắn hạn		
Công ty CP FLC Land	45.500.000.000	7.613.276.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Địa ốc FLC	20.000.000.000	-

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 1020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Đã kí)	(Đã kí)	(Đã kí)
Ngô Thị Nguyên Ngọc	Dương Minh Thông	Doãn Văn Phương

VII. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ : Đã kiểm tra báo cáo tài chính và phản ánh trên báo cáo kiểm toán.

- Các nhận xét đặc biệt: không

Số: 668A /2012/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC được lập ngày 19/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày trình bày được trình bày từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ

TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

TƯ QUỲNH HẠNH

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0313/KTV

Kiểm toán viên

(Đã kí)

LƯU ANH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1026/KTV

Số: 668B /2012/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC được lập ngày 19/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày trình bày được trình bày từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ

TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K

Tổng Giám đốc

(Đã kí)

TƯ QUỲNH HẠNH

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0313/KTV

Kiểm toán viên

(Đã kí)

LƯU ANH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1026/KTV

VIII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Số cổ phần theo ĐKKD	Giá trị (đồng)	% Sở hữu/ kiểm soát
1	Công ty Cổ phần FLC Golfnet	70.000.000.000	7.000.000	70.000.000.000	99,13%
2	Công ty TNHH Hải Châu	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000	98%
3	Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000	91,67%
4	Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	72%
5	Công ty Cổ phần FLC Media	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	90%

Giới thiệu về các Công ty con**❖ Công ty Cổ phần FLC Golfnet**

Tiền thân của Công ty Cổ phần FLC Golfnet là Công ty Cổ phần Dịch vụ, Thương mại và Đầu tư Tân Mỹ Đình được thành lập tháng 9 năm 2009 theo giấy đăng ký kinh doanh số 0104168889 với số vốn điều lệ hiện tại là 5 tỷ đồng. Vào ngày 03 tháng 05 năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đã đầu tư mua 400.000 cổ phần tương đương 80% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FLC Golfnet (hiện đã sở hữu lên 98%). Tổng giá trị đầu tư là 16.900 triệu đồng được quyết định dựa trên việc xác định giá trị thị trường của các tài sản và quyền sử dụng 5.000m² đất của khu Liên hiệp thể thao Golfnet tại đường Tasco, khu Mỹ Đình 2, Hà Nội do FLC Golfnet làm chủ đầu tư.

Công ty Cổ phần FLC Golfnet hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ thể thao, giải trí và tổ chức hội nghị hội thảo. Trụ sở chính của Golfnet đặt tại thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội. Công ty đã đưa vào hoạt động 2 sân tennis và một nhà hàng Hàn Quốc nằm trong khu liên hiệp thể thao Golfnet tại khu vực Mỹ Đình .

❖ Công ty TNHH Hải Châu

Vào ngày 27 tháng 04 năm 2010, Công ty cổ phần Tập đoàn FLC đã mua lại phần vốn góp từ một thành viên góp vốn của Công ty TNHH Hải Châu là 47.894.100.000 đồng tương đương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

68,42% vốn điều lệ của Hải Châu với số tiền thực trả là 71.841.000.000 đồng. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC trở thành một trong ba thành viên góp vốn của Công ty TNHH Hải Châu. Giá trị khoản đầu tư này căn cứ vào việc xác định giá trị thị trường của các tài sản và quyền sử dụng 3.861,5 m² đất mà Hải Châu sở hữu.

Công ty TNHH Hải Châu (Hải Châu) thành lập từ năm 2003 theo giấy đăng ký kinh doanh số 2500228140 với số vốn điều lệ hiện tại là 70 tỷ đồng. Ngành, nghề kinh doanh chính của Hải Châu bao gồm: Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ ăn uống, xây dựng công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị, kinh doanh bất động sản, hoàn thiện công trình xây dựng,...

Trụ sở chính của Công ty TNHH Hải Châu tại số 402, đường Mê Linh, phường Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. Hiện tại, doanh thu của Hải Châu chủ yếu bắt nguồn từ hoạt động xuất nhập khẩu gỗ, buôn bán vật liệu xây dựng và cho thuê một phần trụ sở làm việc.

❖ Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA

Thành lập tháng 04 năm 2010 dưới tên Công ty Cổ phần Đào tạo Golf Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104563141 với mức vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng, Công ty cung cấp dịch vụ dạy các môn thể thao như golf, tennis, bóng rổ; sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao; bán buôn dụng cụ thể dục thể thao; bán lẻ thiết bị dụng cụ thể dục thể thao tại các cửa hàng chuyên doanh; cho thuê thiết bị thể thao và vui chơi giải trí.... Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC hiện đang nắm giữ 91,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA.

❖ Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC

Công ty Cổ phần Đại lý Thuế Hà Nội được thành lập năm 2008 theo giấy chứng nhận số 0103027776 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội và được xác nhận đăng ký hành nghề kiểm toán tại Bộ Tài chính Việt Nam. Vốn điều lệ của công ty là 10.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của công ty là cung cấp các dịch vụ cập nhật thông tin về thuế, tài chính, đấu giá tài sản, tư vấn quản trị doanh nghiệp và phát triển kinh doanh, nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch kinh doanh... Tập đoàn FLC hiện đang nắm giữ 72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC.

❖ Công ty Cổ phần FLC Media

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Công ty Cổ phần FLC Media – tiền thân là Công ty Truyền thông 3LINKs được thành lập năm 2009 theo giấy chứng nhận số 0103726530 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội. Vốn điều lệ của công ty là 10.000.000.000 đồng. Tập đoàn FLC hiện đang nắm giữ 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FLC Media.

Với vị thế của một trong những công ty tư vấn giải pháp truyền thông hàng đầu, triết lý của FLC Media hướng tới phương thức truyền thông hiệu quả, thông qua quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, khẳng định giá trị thương hiệu cũng như kết nối mạng lưới khách hàng rộng khắp.

Kết nối chính là chìa khóa giúp doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động, cũng như phạm vi ảnh hưởng trong môi trường kinh doanh đầy tính cạnh tranh như hiện nay. Với phương châm hoạt động “Kết nối truyền thông cộng đồng”, FLC Media nhận diện truyền thông như một nguyên tố cơ bản ăn sâu trong đời sống hàng ngày, ảnh hưởng lên cách mọi người cảm nhận, nghĩ, và hành động. Với góc nhìn này, chúng tôi định vị quảng bá truyền thông ở một tầm cao mới, đòi hỏi những phương thức thực hiện độc đáo và sáng tạo, có khả năng tác động sâu sắc tới thế giới quan của mỗi người.

IX. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Cơ cấu tổ chức của Công ty:** Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp CRV - chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư Trường Phú Fortune - theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 01 số 0102033961 ngày 17 tháng 03 năm 2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 02 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty là: 170.000.000.000 VND (Một trăm bảy mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số công ty con: 05 công ty (Công ty Cổ phần FLC Golfnet, Công ty TNHH Hải Châu, Công ty Cổ phần Đào tạo Golf VPGA, Công ty Cổ phần Đại lý Thuế FLC, Công ty Cổ phần FLC Media)

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty (như trên).

- **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

Danh sách	Chức vụ
1. Ông Doãn Văn Phương	Tổng Giám đốc
1. Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Trần Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Ông Doãn Văn Phương – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Số CMND : 013171177 cấp ngày 12/03/2009 tại CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 03/09/1977

Nơi sinh : Hoằng Hóa, Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : P706 – CT3B, Đô Thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Chức vụ công tác hiện nay : - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Quá trình công tác :

Từ 8/2000 – 8/2009	Phó phòng tổng hợp Công ty Dịch vụ Vật tư Viễn thông Hà Nội – Bưu điện Hà Nội
Từ 9/2009 – Nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc
Từ 1/2010 – 08/2010	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần FLC
08/2010 – 5/2011	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
5/2011 – nay	Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân: 350 400 cổ phần, tương đương 2,06%

vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công : Không
ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Nguyễn Thanh Bình – Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Số CMND : 012714589 Cấp ngày 01/09/2004 tại Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 23/05/1975

Nơi sinh : Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

Điện thoại : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Quá trình công tác	:	
Từ 1997 – 2000		Kỹ sư Viễn thông chuyên trách – Cục bưu điện trung ương
Từ 2000 – 2007		Quản lý bán hàng – Công ty Schmidt & Co (HK)Ltd
Từ 2007 – 2010		Giám đốc – Công ty TM&DV Công nghệ cao B&T
Từ 2010 – 2011		Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Từ 5/2011 – nay		Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	Sở hữu cá nhân 970 300 cổ phần tương đương 5,7% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	:	Không

Bà Trần Ngọc Ánh – Phó Tổng Giám đốc

Số CMND	:	011952272 cấp ngày 24/11/2005 tại Hà Nội
Giới tính	:	Nữ
Năm sinh	:	28/09/1978

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 30 ngách 159/18 Phố Hồng Mai-Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC.

Quá trình công tác :

Từ 2001 – 2005	Chuyên viên tư vấn thuế và tài chính – Công ty TNHH KPMG
Từ 2006 – 2010	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc
Từ 2010 – nay	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân 0 cổ phần

Tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

Căn cứ vào Nghị quyết số 13/2011/NQ-HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đối với ông Nguyễn Thanh Bình kể từ 09/05/2011; đồng thời bổ nhiệm ông Bình giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ 09/05/2011.

Căn cứ vào Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐQT, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC bổ nhiệm ông Doãn Văn Phương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC kể từ 09/05/2011.

- Quyền lợi của Ban giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác theo quy chế tiền lương và thưởng của Công ty

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động năm 2011:

+ Số lượng cán bộ, công nhân viên trong công ty: khoảng 80 người

+ Chính sách đối với người lao động: Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ chính sách mà Nhà nước quy định đối với người lao động (Bảo hiểm y tế, xã hội, trả lương thưởng...)

- Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị/ thành viên Hội đồng thành viên/ Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Trong quý 2/2011, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự chủ chốt như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Bình kể từ ngày 09/05/2011. Ông Bình vẫn là Thành viên HĐQT. (Căn cứ theo Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐQT)

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT đối với ông Doãn Văn Phương kể từ ngày 09/05/2011. Ông Phương vẫn là Thành viên HĐQT. (Căn cứ theo Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐQT)

Trong quý 4/2011, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Trịnh Hồng Quý thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ số 98/NQ/ĐHĐCĐ/FLC-

2011 ngày 27/12/2011. Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết theo đúng quy định của pháp luật và lựa chọn ứng cử viên thay thế trình Đại hội tới quyết định.

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ/FLC-2012 ngày 15/02/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Lê Anh Đức và bà Nguyễn Thị Bạch Diệp, đồng thời bầu bổ sung bà Đàm Thị Hảo và ông Lê Bá Phương làm thành viên Ban Kiểm soát.

X. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- **Hội đồng quản trị:** Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT hiện nay của Công ty có 04 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Số thành viên độc lập không điều hành là 0 người. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra. Hội đồng quản trị gồm có:

Danh sách	Chức vụ
2. Ông Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Đình Vinh	Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Doãn Văn Phương	Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT
5. Ông Trịnh Hồng Quý	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/12/2011)

Ông Trịnh Văn Quyết – Chủ tịch HĐQT

Số CMND : 012843814 do CA Hà Nội cấp ngày 12/01/2006

Giới tính : Nam

Năm sinh : 27/11/1975

Nơi sinh : Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : B10 – BT3 khu đô thị Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ

Chức vụ công tác hiện nay : - Tổng giám đốc Công ty Luật TNHH SMiC
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Quá trình công tác :

Năm 1999 -2004	Giám đốc, Công ty Tư vấn Đầu tư SMiC
Năm 2004 – 7/2008	Trưởng văn phòng, Văn phòng luật sư SMiC
Tháng 7/2008 – nay	Tổng giám đốc, Công ty Luật TNHH SMiC
Tháng 1/2010 – 08/2010	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần FLC
Tháng 08/2010 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân 4.700.000 cổ phần

tương đương 27,6% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công : Không
ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Lê Đình Vinh – Phó Chủ tịch HĐQT

Số CMND : 013244981 cấp ngày 02/02/2010 tại CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 12/04/1972

Nơi sinh : xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phòng 302 – CT 5 – ĐN1, Đô thị Mỹ Đình 2, Từ Liêm,
Hà Nội

Điện thoại : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Luật

Chức vụ công tác hiện nay : - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Luật SMiC;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Quá trình công tác	:	
Từ 1995 – 2008		Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội
Từ 2008 – 2009		Phó trưởng ban thư ký lãnh đạo Văn phòng Bộ Tư Pháp
Từ 2009 – nay		Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Luật SMiC
Từ 2010 – nay		Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	:	Sở hữu cá nhân 100 000 cổ phần tương đương 0,59 % vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	:	Không

Ông Doãn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (như trên)

Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (như trên)

Ông Trịnh Hồng Quý – Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/12/2011)

Số CMND	:	135530010 cấp ngày 19/3/2008 tại Vĩnh Phúc
Giới tính	:	Nam
Năm sinh	:	10/10/1946
Nơi sinh	:	Vĩnh Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

Điện thoại liên lạc : 0986471219

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Công an

Chức vụ công tác hiện nay :

Quá trình công tác :

Năm 1966 - 1980	Công an Hoàng Liên Sơn
Năm 1980 - 1982	Công an tỉnh Vĩnh Phúc
Năm 1982 - 1990	Công an huyện Vĩnh Lạc
Năm 1990 - 2009	Nghỉ hưu
Năm 2010 - 2011	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 Cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Trịnh Văn Quyết – Con trai
Sở hữu 4.700.000 cổ phần
tương đương 27,6 % vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

– **Ban Kiểm soát:** là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong báo cáo các quyết toán tài chính của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên.

Tại thời điểm 31/12/2011, Ban Kiểm soát gồm có 3 thành viên:

Danh sách	Chức vụ
1. Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
3. Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Thành viên BKS
3. Ông Lê Anh Đức	Thành viên BKS

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ/FLC-2012 ngày 15/02/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Lê Anh Đức và bà Nguyễn Thị Bạch Diệp có tên nêu trên, đồng thời bầu bổ sung bà Đàm Thị Hảo và ông Lê Bá Phương làm thành viên Ban Kiểm soát. Do đó, kể từ 15/02/2012 đến nay, Ban Kiểm soát gồm có 3 thành viên:

Danh sách	Chức vụ
1. Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban
4. Bà Đàm Thị Hảo	Thành viên BKS
3. Ông Lê Bá Phương	Thành viên BKS

Ông Nguyễn Tiến Dũng – Trưởng Ban Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

Số CMND : 011789018 cấp ngày 09/4/1993 tại CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 28/9/1975

Nơi sinh : Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 5, TT Binh đoàn 12, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay : - Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
- Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc (nay là Công ty Cổ phần FLC Land)

Quá trình công tác :

Từ T9/1996 – T12/2004 : Kế toán viên - Công ty thi công cơ giới 144 - Bộ Quốc Phòng

Từ T1/2005 – T9/2006 : Trợ lý kế toán - Xí nghiệp 469 Tổng CTXD Trường Sơn

Từ T10/2006 – 08/2010 : Kế toán trưởng ban điều hành dự án Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn

Từ 2010 – nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc (nay là Công ty Cổ phần FLC Land)

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân 5 000 cổ phần

tương đương 0,03 % vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công : Không
ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp – Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 15/02/2012)

Số CMND : 135040882 cấp ngày 18 tháng 07 năm 2006 tại Vĩnh
Phúc

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 24/06/1981

Nơi sinh : Vĩnh Phúc

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phòng 206- A8b – Thanh Xuân Bắc- Thanh Xuân- Hà
Nội

Điện thoại liên lạc : 0989996524

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ công tác hiện nay :

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

- Quá trình công tác :
- Từ 07/2005 –12/2005 Kế toán Công ty CP Đầu tư tài chính Nga Việt
- Từ 01/2006– 12/2006 Kế toán Công ty CP Thương mại Khánh Trang
- Từ 07/2007- 08/2007 Kế toán Công ty CP Xây lắp và phát triển hạ tầng Hồng Hà
- Từ 09/2007- 6/2008 Nhân viên phòng Thống kê quận Tây Hồ
- Từ 07/2008- 11/2008 Kế toán Công ty TNHH VFAM - Việt Nam
- Từ 12/2008- 2011 Kế toán trưởng Công ty Luật TNHH SMiC.
- Từ 01/2010 – 2/2012 Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Lê Anh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 15/02/2012)

- Số CMND : 162385078 cấp ngày 26 tháng 01 năm 1999 tại Nam Định
- Giới tính : Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Năm sinh : 22/3/1984

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 6, Ngõ 29, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : 0989190595

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Luật học

Chức vụ công tác hiện nay : - Trưởng nhóm tư vấn phòng Dự án Công ty TNHH Luật SMiC
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Quá trình công tác :

Từ 06/2006 – 4/2009 Chuyên viên Phòng pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)

Từ tháng 04/2009 – 2011 Trưởng nhóm tư vấn Phòng Dự án Công ty Luật SMiC

Từ tháng 01/2010 – 2/2012 Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn FLC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : 0 cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công : Không

ty

Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Bà Đàm Thị Hảo – Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/02/2012)

Số CMND : 011837787 cấp ngày 24/7/2010 tại CA TP Hà Nội

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 17/7/1977

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 2, ngõ 371, Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : 04 – 3771 1111

Trình độ văn hóa : Thạc sỹ

Trình độ chuyên môn : Luật sư

Chức vụ công tác hiện nay : - Luật sư Công ty Luật SMiC
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Quá trình công tác :

Từ 2001 – 2009 : Giảng viên Đại học Công nghiệp Hà Nội

Từ 2010 – 2011 : Chuyên viên Tư vấn – Công ty luật Vision

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

- Từ 2011 – nay : Luật sư Công ty luật SMIC kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân 0 cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Không
của người có liên quan
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích có liên quan đối với : Không
tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Lê Bá Phương – Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/02/2012)

- Số CMND : 013191652 cấp ngày 27/6/2009 tại Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1980
- Nơi sinh : Thuận Chính – Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 27- Dịch Vọng- Cầu Giấy – Hà Nội
- Điện thoại : 04 – 3771 1111
- Trình độ văn hóa : 12/12

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử - Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay : - Phó phòng Phát triển Dự án
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
- Quá trình công tác :
- Từ 12/2003 – 12/2011 : Công ty liên doanh thiết bị Viễn thông Alcatel
- Từ 01/2012 – nay : Phó phòng Phát triển Dự án kiêm Thành viên BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Sở hữu cá nhân 0 cổ phần
tương đương 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

- **Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát:** Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 đã thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát (tính đến thời điểm ngày 10/04/2012):

TT	Tên	Địa chỉ	Chức vụ/Mối quan hệ với CĐNB	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu biến động trong năm
1	Trịnh Văn Quyết	Lô B10, BT3, Khu đô thị Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	4.700.000	27,6%	+25,9%
2	Lê Đình Vinh	P302, CT5, Đơn nguyên 1, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000	0,59%	+0,59%
3	Doãn Văn Phương	P706, CT3B, Đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	Thành viên HĐQT kiêm TGD	350.400	2,06%	+2,06%
4	Nguyễn Thanh Bình	P1008, CT5-ĐN4, Đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD	970.300	5,71%	+5,71%
5	Trần Ngọc Ánh	Số 30 ngách 159/18 phố Hồng Mai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Phó TGD	0	0	0%
6	Nguyễn Tiến Dũng	Số 5, Tập thể Binh Đoàn 12, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	Trưởng Ban Kiểm soát	5.000	0,03%	0%
7	Đàm Thị Hào	Số 2, ngõ 371, Ngõ Gia Tự, Long Biên, Hà Nội	Thành viên BKS	0	0	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

8	Lê Bá Phương	Tổ 27, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	Thành viên BKS	0	0	0%
---	--------------	---------------------------------------	-------------------	---	---	----

- **Giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát và người có liên quan (tính đến thời điểm ngày 10/04/2012):**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/tổ chức niêm yết	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm (01/01/2011)		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (tính đến thời điểm 10/04/2012)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trịnh Văn Quyết	Cổ đông sáng lập/Chủ tịch HĐQT	300.000	1,76%	4.700.000	27,6%	Nhận chuyển nhượng từ Cổ đông sáng lập và Mua
2	Công ty Cổ phần FLC Land (Tên cũ là Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Ninh Bắc)	Cổ đông sáng lập/ Đại diện: Doãn Văn Phương (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc)	5.200.000	30,59%	0	0	Chuyển nhượng
3	Doãn Văn Phương	Cổ đông nội bộ (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc)	0	0	350.400	2,06%	Nhận chuyển nhượng từ Cổ đông sáng lập và Mua

4	Nguyễn Thanh Bình	Cổ đông nội bộ (Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc)	0	0	970.300	5,7%	Nhận chuyển nhượng từ Cổ đông sáng lập và Mua
5	Lê Đình Vinh	Cổ đông nội bộ (Phó Chủ tịch HĐQT)	0	0	100.000	0,59%	Nhận chuyển nhượng từ Cổ đông sáng lập
6	Lê Kim Thanh	Lê Đình Vinh (Phó Chủ tịch HĐQT)	60.000	0,35%	0	0	Bán

2. Thông tin về về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Hoạt động của HĐQT:

+ Năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc trong công tác điều hành công việc kinh doanh thường xuyên.

+ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kinh doanh của Công ty.

+ Duyệt báo cáo tài chính các quý và năm đã được kiểm toán hàng năm và các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không thành lập các tiểu ban

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Tư vấn cho HĐQT trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý trước khi chuyển lên Hội đồng quản trị.

+ Phối hợp cùng Ban lãnh đạo Công ty giải quyết những vấn đề phát sinh khác theo quy định.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

+ Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với mục đích phối hợp quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng có hiệu quả các

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

thành viên trong hội đồng quản trị luôn luôn nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao.

+ Công ty phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**3.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Không có****3.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Địa chỉ	Số cổ phần thực góp	Số vốn thực góp	Tỷ lệ % thực góp
1	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Hải		1C Ngô Quyền, Hà Nội	1.000.000	10.000.000.000	5,88%
2	Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT FLC Group	Lô B10, BT3, Khu đô thị Mỹ Đình II, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	4.700.000	47.000.000.000	27,6%
3	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm P.TGD FLC Group	P1008, CT5-ĐN4, Đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	970.300	9.703.000.000	5,7%
4	Doãn Văn Phương	Thành	P706, CT3B,	350.400	3.504.000.000	2,06%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC**Tầng 5, Tòa nhà Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội**

		viên HDQT kiêm TGD FLC Group	Đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội			
5	Lê Đình Vinh	Phó Chủ tịch HDQT FLC Group	P302, CT5, Đơn nguyên 1, khu đô thị Mỹ Đình II, Từ Liêm, Hà Nội	100.000	1.000.000.000	0,59%

Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập sẽ được bãi bỏ.

3.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có